

Suy nghĩ về mặt số từ tiếng ngôn ngữ học

của GSTSKH Nguyễn Lai

TS Lê Đông & PGS TS Nguyễn Văn Chính



Nhà xuất bản *Từ điển bách khoa* đã cho in mặt tựa của tập các công trình nghiên cứu của GS Nguyễn Lai – với đề tài ông dùng như là bài giới thiệu cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ học Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội).

Bài viết này của chúng tôi không hẳn là một bài giới thiệu công trình, đúng hẳn là nhân dịp này chúng tôi muốn trình bày những suy nghĩ riêng của mình về mặt số học trong ngôn ngữ học của GS Nguyễn Lai trong mối liên hệ với *Viết ngữ học*, đặc biệt là các vấn đề liên quan tới nghiên cứu nghĩa.

1. Trước hết, xin nói đôi điều về phương pháp nghiên cứu của GS theo cảm nhận của chúng tôi. Có thể thấy, GS Nguyễn Lai là người quan tâm nhiều đến những vấn đề lý luận, lý thuyết. Những lý luận. Lý thuyết của ông không chỉ dừng lại ở cách diễn đạt bằng thân lý thuyết, trái lại, nó luôn được vận dụng để xây lý thuyết mới từ những thực tiễn, qua đó, lý thuyết được làm sáng tỏ trong thực tiễn. Đó chính là chỗ khác biệt của GS Nguyễn Lai so với những người khác. Chính nhờ đó mặt phần, người đọc cũng dễ nhận biết những nét riêng trong tập *Viết ngữ học* của ông. Ông kiên trì theo đuổi mặt phương pháp làm việc riêng. Thông thường, ông thích lựa chọn lý luận những mặt, thậm chí những hiện tượng cá thể, cụ thể của tiếng Việt (chẳng hạn, mặt nhóm từ, mặt danh ngữ mở rộng. mặt từ “nghe” trong thanh điệu, mặt từ “trời” trong Truyện Kiều, mặt kết cấu “vào Nam, ra Bắc”...) gắn liền với những vấn đề thực tiễn quan niệm lý thuyết mà ông trải nghiệm. Những bài viết trước đây của ông về những vấn đề lý luận của GS thực ra là được tách ra từ những gì ông đã suy nghĩ đến, phải suy nghĩ đến khi phân tích các hiện tượng cụ thể.

Trong *Từ điển khoa học*, GS Nguyễn Lai quan tâm nhiều đến những nguyên nhân, những mối quan hệ nhân quả, những tác động của quy định logic của các số kiến, trừ lại cho những câu hỏi *tại sao*. Có thể nói ông đã sớm gắn ngôn ngữ học với những vấn đề không chỉ *miêu tả* cái hiện tượng hiện ra mà còn

*lý giải*

chúng (dĩ nhiên, có lẽ là các mô hình

*chuyên hóa*

*nhóm từ chức năng vấn đề*

(tr. 205) cũng như mô hình

*giải mã của quá trình tiếp nhận văn chương*

(tr. 309)...

Một khía cạnh khác trong cách nghiên cứu của ông. Đó là tinh thần của *giới thiệu* khai thác

nhân giá trị của ngôn ngữ học truy cập trong, kiên trì đưa vào nhân từ trong triết học Mác xít. Ông không phải là nhà ngôn ngữ học chủ thuyết về mặt khuynh hướng này, mặt trong phái kia, mà càng không phải là người đi theo khuynh hướng nào đó như mặt cái mặt. Các đóng góp thực sự của ông tập trung nhiều hơn ở những ngôn ngữ áp dụng triết học cách thức nghiên cứu và nêu vấn đề đã sớm được hình thành ngay từ những năm 1970-1980, nhất là khi ông bắt đầu nghiên cứu các *đường lối chính sách ngôn ngữ Việt*. Có thể nói, trong ngôn ngữ học Việt Nam, GS Nguyễn Lai là người đã sớm mở ra những vấn đề, những góc nhìn hay đường hướng nghiên cứu có sự góp phần với những quan niệm mà gần đây, cùng với sự phát triển của ngôn ngữ học trên thế giới, đã trở thành quen thuộc với chúng ta (đĩ nhiên các hướng nghiên cứu đó trong ngôn ngữ học hiện nay đã có mặt quy mô, mặt chi tiết sâu khác nhau).

2. Như đã nói, GS Nguyễn Lai được biết quan tâm tới vấn đề nghĩa cùng với những điều kiện có của người ít nhiều trong những nghiên cứu thực tiễn sáng tác văn chương. Có lẽ do vậy mặt phần mà trong quan niệm của ông về nghĩa nằm lên một số điểm đáng chú ý:

a. Ông tập trung quan điểm nghĩa là *hiện tượng tâm lý*, và do đó nó gần liền mặt thiết với hoạt động tâm lý nhân thực của con người (điều này thực hiện rõ nhất qua chuyên đề *quá trình tiếp nhận văn chương* của ông).

b. Nghĩa, đối với ông, dường như là sự phản ánh song Nguyễn Lai ít dùng chữ ‘phản ánh’. Ông thích gọi đó là *sự đồng hóa nhân thực hiện thực vào ngôn ngữ*. Cách nói này phần nào thể hiện dung quan niệm đang nằm trong các chữ miêu tả quá trình theo thói quen của ông ...

Nghĩa là sự phản ánh thực tiễn vào ngôn ngữ song đó là sự phản ánh xuất phát từ cách nhìn, cách cảm nhận những nhu cầu đích của con người đồng thời phản ánh về mặt lịch sử - văn hóa. Quá trình đó, trong cách nói của ông, gần như có mặt cái máy phần đã cài đặt từ những ngôn ngữ thông thường nhất, người ta trước tiên đồng hóa đi những cái không quan trọng, tập trung vào tiêu điểm chú ý nêu bật cái mà chủ thể quan tâm hay làm chủ thể quan tâm. Chủ thể dường như “chủ nhìn thực” cái có ý nghĩa, cái có giá trị với đời sống của con người. Tóm nhìn sớm có được này của GS Nguyễn Lai quán xuyên trong cách xác định *chính hình thành nghĩa* với đầy đủ biện chứng xã hội sâu xa của nó.

Cùng với, cái nội dung được đưa vào hình thức ngôn ngữ (nghĩa, nội dung quan niệm) bao giờ cũng chịu những sự biến đổi của cái hình thức đã được xác lập mà nó tham gia vào. Mặc dù có sự phân loại phần trừu tượng hóa những – với Nguyễn Lai - *nghĩa* phần đây luôn bao

hàm mặt số

chu

ý nghĩa

từ cái này sang cái kia,

trên

từ cái này sang cái kia (thực chất là không phải bao giờ cũng có mặt đối tượng phân giải đối tượng).

3. Mặt tuy nhiên đóng góp khác của GS Nguyễn Lai là nghiên cứu ngôn ngữ pháp, và nghiên cứu ngữ pháp hóa và ngữ pháp học.

Quan tâm rất nhiều từ những đối tượng chức năng, Nguyễn Lai cùng lúc đã gọi ra, đã xâu rây lên nhiều vấn đề. Ông nhìn thấy từ ngữ liên từ ngữ Việt những vấn đề ngữ nghĩa trong hiện tượng gọi là *hóa*. Về ông - trong lớp trình độ và cả trong những công trình tìm kiếm các thao tác phân tích cấu trúc - hiện tượng này không phải là mặt nghĩa, trình ngữ nghĩa. Mà đây là mặt số vấn đề liên từ có thể chia - qua những bước, những quan hệ - về quá trình làm hình thành những *nghĩa mới* thu được mặt kiến nghĩa khác của hệ thống ngôn ngữ phức tạp. Thế nghĩa này có thể gọi về chức năng biến đổi quan hệ ngữ pháp và những khía cạnh khác thu được về phạm vi biến đổi thái độ tâm lý, cảm xúc đánh giá, sự tương tác giữa người nói và người nghe. Tất đó có thể thấy tính nhiều mặt của ngữ pháp hóa, cũng do vậy, rõ ràng, không có mặt đối tượng ranh giới siêu hình giữa thực và hư.

GS Nguyễn Lai tìm kiếm sự ngữ nghĩa của những kết hợp ngữ pháp, và về GS, mặt cách rất tự nhiên, tìm kiếm cách ứng xử của yếu tố ngôn ngữ biến đổi trong khả năng kết hợp của nó, trở thành mặt *thực pháp* quen thuộc đến mức bất cứ cái thế nghĩa có trong phạm vi đích thực của người biến đổi mà ông gọi là *hiệu lực giao tiếp*, là sự chuyển đổi ngữ nghĩa có phạm vi chức năng "tính từ" "rất khó xác định" và ngôn ngữ học tiến từ việc làm sao "có được sự chuyển đổi" để tương ứng minh họa những hiện tượng này. Ông viết: "Số lý giữa các cấu trúc ngữ pháp hoàn toàn không thể tách rời về các cấu trúc ngữ nghĩa...", "Tính quy định của ngữ nghĩa đối với ngữ pháp gọi là mặt nguyên tố..."

Xuất phát từ thực tiễn nghiên cứu ngôn ngữ và từ sự phân tích có trình độ các từ tượng ngữ của Mác, GS Nguyễn Lai đặc biệt chú ý từ những đối tượng quan trọng trình bày tác động đến quá trình xử lý những vấn đề của ngôn ngữ học mặt cách sâu sắc, nhiều chi tiết và đang còn chờ đợi sự quan tâm đúng mức, ít nhất cũng là vào kho ngữ pháp gian những năm 1970 - 1980.

Ông nhiều lần nhấn mạnh "Giao tiếp là hành vi xã hội, và về mặt cấu trúc những người trao đổi thì cùng mặt hành vi đó, không thể chia được thành cá nhân và ngữ pháp cũng không thể

chúng ta nên thu hẹp là hành vi xã hội”. Không đồng ý đó, ông phát triển thêm, “trong thực tế giao tiếp, trao đổi cái gì (...) từ nhiên đã là phạm trù nội dung rồi”, “muốn có mặt giá trị thông báo thì không thể không lấy đổi từ tiếng nói thông báo làm đích”, “khi nói đến giao tiếp là nói đến truyền đạt trao đổi thông báo để hướng người hành động”...

Như quán xuyến hệ thống quan điểm trên, Nguyễn Lai đã lí giải *tiềm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh* trong thực tiễn nhân phẩm nhân văn đang được chia sẻ trong lí luận công phẩm nhân phẩm ngày nay. Theo GS, lí luận công phẩm (vấn đề năng lực, vấn đề hành vi, vấn đề văn cảnh) đang được ông chia sẻ “không phải là đi u gì quá cao xa, trái lại. “đó là mặt cách để hình thành lí luận ngày càng công thức và triết học vào thực tiễn đời sống xã hội” - nội vấn là hình thành triết học tác mà chính từ đó và qua đó HCM đã đúc kết triết nghiêm, đem lại sự sống thực tiễn cho cách dùng nhân phẩm *chỉ cần ngôn từ* trong tiềm nhìn ngôn ngữ của chính HCM

Như vậy, về thực chất, GS Nguyễn Lai đã công nhận được cái nhu cầu cần thiết phải triển khai và đi sâu hơn nữa trong nghiên cứu ngôn ngữ vào phạm vi đồng hành với mặt tinh thần bí ẩn của ngôn ngữ mà ngay cả hiện nay, đôi khi vì quá nhận mạnh mẽ mặt này mặt khác, chúng ta ít quan tâm tới.

Như mặt trước đã nói, Nguyễn Lai thấy sự tồn tại của thực nghĩa (nghĩa chỉ không phải là cái gì khác đổi với ngôn ngữ học) gắn với việc bộc lộ thái độ, tâm lý cảm xúc, sự tương tác liên nhân... cần phải tiếp tục phát triển các kỹ thuật phân tích cùng bộ máy công cụ siêu ngôn ngữ để miêu tả. Chính cái thực nghĩa này – vốn có trong các từ ngữ, đặc biệt, các hình thức, các yếu tố tình thái đánh giá, các kiểu cấu trúc - trong chuỗi công trình nghiên cứu gần đây, được coi là cái làm thành nhân quả từ liên u đồng hành học, thực phẩm phạm vi đồng hành học ngôn ngữ học thực thể do tính chất được mã hóa, được ngữ pháp hóa hay cấu trúc hóa trong hệ thống ngôn ngữ của chúng.

Lý giải các ý kiến của Mác, như đã nói, ông nhận thấy sự giao tiếp ngôn ngữ như một hình thức hoạt động xã hội. Cái hoạt động này là hoạt động ngôn ngữ của ta để nhận cái đích xa hơn (hoạt động tư tưởng); nói bằng thuật ngữ của ông đó là hành vi ngôn ngữ (hành vi tư tưởng, mối liên hệ). Không chỉ có thế, ông định nghĩa nhận thức là cái đặc tính của xã hội và cá nhân, định đặc tính thông qua ngôn ngữ, qua truyền tải nội dung (điểm này, theo chúng tôi, làm cho giao tiếp ngôn ngữ trong khi là hành động như các kiểu hành động khác thì định nghĩa cũng có những đặc trưng riêng biệt khác biệt). Đó là một tinh thần biện chứng của triết học.

Đặc biệt đáng nói hơn, tôi chỉ xem giao tiếp thông qua hoạt động của ngôn ngữ theo quan điểm của Mác, GS Nguyễn Lai là người đi đầu tiên có đi sâu vào nghiên cứu và hiểu định, phát hiện *“tư tưởng nhìn kinh điển trong hoạt động đi của ngôn ngữ học tri nhận”*. Luận điểm có sự thuyết phục về mặt khoa học này được ông nhận thấy sau : “Tư tưởng nhìn kinh điển trong hoạt động đi của ngôn ngữ học tri nhận ngày nay thực tế không phải là một sự xác định tùy hứng. Các nhà khoa học mang tính khách quan này có thể lý giải,

*mặt mặt*

, tôi chỉ sâu trong mối liên hệ giữa số của bản năng sự trở lại của năng lực giao tiếp xã hội của ngôn ngữ trong sự không phân biệt giữa ngôn ngữ và tôi nói theo cách nhìn kinh điển của Mác (điều mà giải quyết nghiên cứu trong nghiên cứu thực tiễn đây đang ngày càng hoạt động tư tưởng!); và

*mặt khác*

, có thể lý giải bằng sự tồn tại của nguyên tắc tin tức của Saussure để xác định mối quan hệ giữa hình và hoạt động liên tưởng trong tính chất thực tiễn của các định về ngôn ngữ đang tồn tại nghĩa giao tiếp”.(tr.66)

Nhìn chung, có thể nói được rằng, tư duy khoa học trong cách lý giải *“tư tưởng nhìn ngôn ngữ HCM* cũng như *tư tưởng*

*nhìn kinh điển trong hoạt động đi của ngôn ngữ học tri nhận*

có thể coi là kết quả tích hợp nghiên cứu thực tiễn tiêu biểu có được trong tư tưởng ngôn ngữ học của GS TSKH Nguyễn Lai. Và, điều này, tôi tư tưởng nhìn bao quát nhận thức của mình, chính về GS trên 85 tuổi đã có dịp tôi bộc lộ ...: Ngôn ngữ - dù biến động và phát triển như thế nào, và ngôn ngữ - dù được khai thác theo hướng nào, nếu không bị xuyên tạc – tạc là

*không bị tách khỏi chức năng hành động xã hội cho con người*

- thì nó không thể thoát li khỏi những quy luật mang tính chân lý được phát hiện một cách đúng đắn tôi chỉ sâu theo hướng bản thân luận thông qua thực tiễn và phương pháp luận mácxít... ./.

